



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Trang 1 / 8

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Số SDS : 510615

V001.5

Phiên bản: 23.09.2023

Ngày in: 05.12.2023

Phần 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm: TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Các cách nhận biết khác: TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Mã sản phẩm: IDH1990957

Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng: Keo nóng chảy.

Công ty đại diện nhà sản xuất / nhà nhập khẩu / nhà phân phối

Henkel Adhesive Tech. Vietnam Co., Ltd,
No. 7, Road 9A Bien Hoa II Industrial Zone,
Bien Hoa City,
810000 Dong Nai Province

VN

Số điện thoại: +84 (28) 7100 6301

Số fax: +84 (28) 7100 6300

Người chịu trách nhiệm về bảng
thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp: CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Trần chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS:

Chất hoặc hợp chất được phân loại không nguy hại theo GHS.

Nhãn theo GHS:

Chất hoặc hợp chất được phân loại không nguy hại theo GHS.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất hoặc hỗn hợp:

Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	10- 30 %	

Phần 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Hít phải:	Di chuyển đến nơi thoáng khí, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu thấy khó thở.
Tiếp xúc với da:	Sau khi tiếp xúc với keo nóng chảy: rửa với nước lạnh, chăm sóc y tế.
Tiếp xúc mắt:	Sau khi tiếp xúc với keo nóng chảy: rửa với nước lạnh, chăm sóc y tế.
Nuốt phải:	Nếu ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe, cần chăm sóc y tế.

Phần 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:	Có thể dùng tất cả các phương tiện chữa cháy thông thường.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp:	Phun nước áp lực cao
Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:	Không phận sự miễn vào. Mang quần áo bảo hộ lao động toàn thân. Trang bị bình dưỡng khí.
Sản phẩm cháy nguy hại:	Carbon monoxide. Carbon dioxide. Hơi độc và gây kích ứng.
Khuyến nghị bổ sung về chữa cháy:	Nước sử dụng để chữa cháy đã bị nhiễm cần được thu gom và cô lập. Không được đổ xuống hệ thống cống rãnh.

Phần 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân:	Đảm bảo thông gió tốt. Xem hướng dẫn ở phần 8.
Biện pháp bảo vệ môi trường:	Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.
Các phương pháp làm sạch:	Để cho keo khô. Quét dọn, thu gom. Hủy bỏ vật liệu nhiễm hóa chất như chất thải theo Điều 13.

Phần 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Sử dụng:	Không ăn uống, hút thuốc khi sử dụng. Giữ xa tầm tay trẻ em. Xem hướng dẫn ở phần 8. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Đảm bảo thông gió/ hệ thống hút tại nơi làm việc.
Lưu trữ:	Giữ thùng đầy kín. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát Đảm bảo thông gió tốt nơi làm việc và lưu trữ. Lưu trữ ở nhiệt độ 32oF đến 104°F. (0 °C đến 40 °C).

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	mg/m ³	5
	Ghi chú	ACGIH
Dầu khoáng (sương mù) 8042-47-5	Loại giá trị	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m ³	10
	Ghi chú	VN OEL
Dầu khoáng (sương mù) 8042-47-5	Loại giá trị	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m ³	5
	Ghi chú	VN OEL

Bảo vệ hô hấp:	Đeo khẩu trang thích hợp nơi không có thông gió tốt
Bảo vệ tay:	Đeo găng tay kháng nhiệt khi làm việc với keo nóng chảy.
Bảo vệ mắt:	Đeo kính bảo hộ.
Bảo vệ cơ thể:	Mang đồ bảo hộ lao động phù hợp.
Kiểm soát kỹ thuật:	Đảm bảo hệ thống thông gió tốt và hiệu quả để loại bỏ và phòng ngừa việc tích tụ hơi, bụi phát sinh từ sản phẩm trong suốt quá trình bảo quản và sử dụng.
Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh:	Nơi làm việc nên được trang bị vòi tắm và rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp.
Các biện pháp vệ sinh:	Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc. Cởi bỏ quần áo nhiễm hóa chất, giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Phần 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Ngoại quan:	màu vàng nhạt. chất rắn.
Mùi:	gần như không mùi
Ngưỡng mùi (CA):	Không có thông tin
pH :	Không áp dụng.
Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không áp dụng.

Trọng lượng riêng:	Không có thông tin
Điểm sôi:	Không có thông tin
Điểm chớp cháy:	Không áp dụng.
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	0.95 g/cm ³
Độ hòa tan:	Không tan.
Hệ số phân ly: n-octanol/ nước:	Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy:	Không có thông tin
Độ nhớt:	800 - 1,800 cp (; 180 °C (356 °F); Phương pháp: không có phương pháp / phương pháp chưa biết)
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Không nếu được sử dụng đúng mục đích.
Độ ổn định hoá học:	Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.
Các điều kiện cần tránh:	Không có nếu sử dụng đúng mục đích. Tiếp xúc lâu dài với nhiệt độ cao.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Không phân hủy nếu sử dụng đúng cách.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về độc hại chung:	Theo kiến thức của chúng tôi không có ảnh hưởng có hại có thể xảy ra nếu sử dụng và xử lý đúng cách.
Các triệu chứng tiếp xúc quá mức:	Không đề cập.

Độc tính cấp tính qua miệng:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 5,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 401 (Acute Oral Toxicity)

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 403 (Độc tính cấp tính đường hô hấp)

Độc tính cấp tính trên da:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)

Gây kích ứng/ăn mòn da:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm Buehler
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)

Đột biến tế bào mầm:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	with
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến gen trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	tiêm phúc mạc
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)

Độc tính với liều lặp lại:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	NOAEL=>= 1,200 mg/kg
	Đường xâm nhập	đường miệng: ăn phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	24 mdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 453 (Combined Chronic Toxicity / Carcinogenicity Studies)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	NOAEL=>= 50 mg/m3
	Đường xâm nhập	hít phải: bình phun
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	4 w6 h/d, 5 d/w
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 412 (Repeated Dose Inhalation Toxicity: 28/14-Day)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	NOAEL=>= 2,000 mg/kg
	Đường xâm nhập	da
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	13 wdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 411 (Subchronic Dermal Toxicity: 90-Day Study)

Phần 12. Thông tin về sinh thái**Thông tin sinh thái:**

Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Độc tính:

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	LL50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá hồi vân
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	EL50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	NOELR
	Giá trị	100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Loại giá trị	IC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	93 d
	Loài / mẫu	other:
	Phương pháp	hướng dẫn khác:

Độ bền và khả năng phân hủy

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	31.3 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 F (Ready Biodegradability: Manometric Respirometry Test)

Tích lũy sinh học và sự biến đổi trong đất

White mineral oil (petroleum), highly refined (not cmr) 8042-47-5	LogPow	> 4
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	Phương pháp EU A.8 (Hệ số phân vùng)

Phần 13. Thông tin về thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:

Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:

Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:

Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:

Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:

Không phải hàng hoá nguy hiểm

Phần 15. Thông tin về pháp luật

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
DSL	có
KECI (KR)	có
ENCS (JP)	có
ISHL (JP)	có
IECSC	có
AIIC	có
TCSI	có
PICCS (PH)	có

Phần 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Từ chối trách nhiệm:

Phiếu an toàn hóa chất được xây dựng dựa trên thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất).
Không áp dụng chế độ bảo hành hoặc bất kỳ hình thức tương đương nào khác đối với các quy định thực thi khác về xuất khẩu đang có hiệu lực thi hành hoặc các quy định của nước sở tại. Vui lòng xác nhận rằng các thông tin được cung cấp kèm theo đây tuân thủ các quy định về xuất khẩu hoặc bất kỳ quy định thực thi nào khác trước khi tiến hành xuất khẩu.
Vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về an toàn sản phẩm và các quy định liên quan của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của và liên quan đến sản phẩm tại địa phương được chuyển giao. Sản phẩm của chúng tôi được mô tả từ quan điểm về yêu cầu an toàn và nó không có ý định để đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.
Kính gửi Quý khách hàng,
Henkel cam kết tạo nên một tương lai bền vững thông qua việc thúc đẩy các cơ hội trong toàn chuỗi giá trị. Nếu Quý khách muốn đóng góp bằng cách chuyển đổi từ phiên bản giấy sang phiên bản điện tử của SDS, vui lòng liên hệ Đại diện Chăm sóc khách hàng địa phương. Chúng tôi khuyến nghị khách hàng nên gửi bằng email công ty (ví dụ: SDS@tencongtty.com)